

<b>PHÒNG GD&amp;ĐT ĐẠI LỘC</b> <b>TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU</b> <b>TỔ: TOÁN - TIN</b>	<b>KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2023-2024</b> <b>MÔN : TOÁN ĐẠI SỐ</b> <b>KHỐI: 9</b>
---	--

## I. Thông tin:

1. Tổ trưởng : Ngô Thị Kim Châu
2. Nhóm trưởng chuyên môn: Nguyễn Thị Minh Lợi

## II. Kế hoạch cụ thể:

**HỌC KỲ I - ĐẠI SỐ (Từ tuần 1 đến tuần 18)**

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Nội dung điều chỉnh theo lớp			Ghi chú
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	
<b>Tuần 1</b>	1	§1. Căn bậc hai	1. Căn bậc hai số học; 2. So sánh các căn bậc hai số học	Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm Tính được căn bậc hai số học Tính được căn bậc hai của một số là bình phương của một số hữu tỉ	Dạy học trên lớp	
	2	§2. Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} =  A $	1. Căn thức bậc hai; 2. Hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} =  A $	Biết cách tìm tập xác định (điều kiện có nghĩa) của $\sqrt{A}$ . Hiểu và vận dụng được hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} =  A $ khi tính căn bậc hai của một số hoặc một biểu thức là bình phương của một số hoặc bình phương của một biểu thức khác. Phân biệt căn thức và biểu thức dưới dấu căn.	Dạy học trên lớp	
	3	§2. Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} =  A $	Giải bài tập	Biết cách tìm tập xác định (điều kiện có nghĩa) của $\sqrt{A}$ . Hiểu và vận dụng được hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} =  A $ khi tính căn bậc hai của một số hoặc biểu thức là bình phương của một số hoặc bình phương của một biểu thức khác. một biểu thức là bình phương của một	Dạy học trên lớp	

				số hoặc bình phương của một biểu thức khác.		
<b>Tuần 2</b>	4	§3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương	1. Định lý; 2. Áp dụng	Hiểu được đẳng thức $\sqrt{a.b} = \sqrt{a}.\sqrt{b}$ . Biết hai quy tắc khai phương một tích và nhân các căn bậc hai. Có kỹ năng dùng các quy tắc, khai phương một tích, nhân các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.	Dạy học trên lớp	
	5	§3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương	Giải bài tập	Vận dụng được các quy tắc khai phương một tích và nhân các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.	Dạy học trên lớp	
	6	§4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương	1. Định lý; 2. Áp dụng	Hiểu được đẳng thức $\sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$ . Biết hai quy tắc khai phương một thương và chia hai căn bậc hai. Có kỹ năng dùng các quy tắc khai phương một thương và quy tắc chia các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 3</b>	7	§4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương	Giải bài tập	Có kỹ năng vận dụng các quy tắc khai phương một thương và quy tắc chia các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 4</b>	8	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi Casio	Hướng dẫn HS thực hành máy tính bỏ túi Casio	Hs tự nghiên cứu trên mạng, trao đổi học hỏi lẫn nhau để sử dụng máy tính bỏ túi thực hiện các bài tập tính toán	Dạy học trên lớp	GV hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu trên mạng, trao đổi học tập lẫn nhau; Báo cáo kết quả trước lớp.
	9	Chủ đề-Biến đổi	1. Đưa thừa số	- Thực hiện được các biến đổi: Đưa thừa số	Dạy học trên lớp	Ghép hai bài

<b>Tuần 5</b>		đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.	ra ngoài dấu căn; 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn	ra ngoài, đưa thừa số vào trong dấu căn		§6, §7 & Luyện tập (theo CV 3280)
	10	Chủ đề-Biến đổi đơn giản biểu thức chứa (tt)	3. Khử mẫu của biểu thức lấy căn; 4. Trục căn thức ở mẫu.	Thực hiện được các biến đổi: khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 6</b>	11	Chủ đề-Biến đổi đơn giản biểu thức chứa (tt)	Giải bài tập	HS được củng cố các kiến thức về đưa thừa số ra ngoài (vào trong) dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu. Có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên.	Dạy học trên lớp	
	12	§8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai	1/ ví dụ 1 2/ ví dụ 2 3/ ví dụ 3	Rút gọn được biểu thức chứa căn thức bậc hai không quá phức tạp ở các dạng tương tự như các ví dụ.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 7</b>	13	§8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai	1/ giải bài tập	Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản, rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai	Dạy học trên lớp	
	14	§9. Căn bậc ba.	1. Khái niệm căn bậc ba 2. Tính chất	-Hiểu khái niệm căn bậc ba của một số thực. -Biết được tính chất của căn bậc ba -Tính được căn bậc ba của một số biểu diễn được thành lập phương của một số khác	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 8</b>	15	Ôn tập chương I	1/ các công thức biến đổi căn bậc hai 2/ bài tập	- HS hiểu được các kiến thức cơ bản về căn thức bậc hai một cách có hệ thống. Biết tổng hợp các kỹ năng đã có về tính toán, biến đổi biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải phương trình. - Có kỹ năng trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi về căn thức để giải	Dạy học trên lớp	

				bài tập		
	16	Ôn tập giữa kì I	Giải bài tập tiếp theo	Nắm lại các kiến thức đã học một cách hệ thống Vận dụng các kiến thức đó vào giải bài tập có liên quan	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 9</b>	17	Ôn tập giữa kì I (tt)	Giải bài tập tiếp theo	Nắm lại các kiến thức đã học một cách hệ thống Vận dụng các kiến thức đó vào giải bài tập có liên quan	Dạy học trên lớp	
	18	<b>Kiểm tra giữa kỳ 1 (kết hợp với hình học)</b>	Làm đề kiểm tra	Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải toán	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 10</b>	19	§1. Nhắc lại, bổ sung các khái niệm về hàm số	1. Khái niệm hàm số; 2. Đồ thị của hàm số; 3. Hàm số đồng biến, nghịch biến.	Hiểu các khái niệm về: Hàm số, đồ thị của hàm số, hàm số đồng biến, nghịch biến.	Dạy học trên lớp	
	20	Chủ đề -Hàm số bậc nhất	1/ Khái niệm hàm số bậc nhất 2/ Tính chất	Tính được các giá trị tương ứng của x và f(x), vẽ được đồ thị hàm số $y = ax (a \neq 0)$ ; biết xác định tọa độ giao điểm của hai đồ thị trong các trường hợp đơn giản.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 11</b>	21	Chủ đề -Hàm số bậc nhất	Nội dung 1: Hàm số bậc nhất	Hiểu được khái niệm và tính chất của hàm số bậc nhất Hiểu đồ thị của hàm số bậc nhất là một đường thẳng và vẽ được đồ thị với các hệ số hữu tỉ.	Dạy học trên lớp	Ghép §2 , §3 & Luyện tập (theo CV 3280) Bài 19 KKhs tự làm
	22		Nội dung 2: Đồ thị của hàm số bậc nhất.	Tìm được các giá trị tương ứng của x và y của hs bậc nhất $y=ax+b$ Vận dụng giải được các kiến thức về hs và đồ thị để giải bài tập. Có kỹ năng vẽ đồ thị hàm số.	Dạy học trên lớp	

<b>Tuần 12</b>	23		Nội dung 3: Luyện tập	4/ luyện tập	(Không yêu cầu học sinh vẽ đồ thị hàm số bậc nhất với các hệ số vô tỉ. Không chứng minh tính chất của hàm số bậc nhất)	Dạy học trên lớp	
	24	§4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	1. Đường thẳng song song 2. Đường thẳng cắt nhau 3. Bài toán áp dụng	- HS nắm vững điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) và $y = a'x + b'$ ( $a' \neq 0$ ) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau. HS biết chỉ ra cặp đường thẳng song song, cắt nhau. HS biết vận dụng lý thuyết vào việc tìm các giá trị của tham số trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau.	Dạy học trên lớp		
<b>Tuần 13</b>	25	Luyện tập	Giải bài tập	Tính được các giá trị của a, b, x hoặc y khi cho biết trực tiếp hoặc gián tiếp giá trị ba đại lượng trong công thức $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) -Xác định được a hoặc b trong hàm số $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) để hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.	Dạy học trên lớp		
	26	§5. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ )	1. Khái niệm hệ số góc của đường thẳng 2. ví dụ (Không dạy ví dụ 2)	- HS được nắm vững khái niệm góc tạo bởi hai đường thẳng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) và trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ hiểu được mối liên quan mật thiết Tính được góc của đường thẳng $y = ax + b$ (với a khác 0) với trục ox	Dạy học trên lớp	Ví dụ 2 không dạy Bài tập 31 không yêu cầu	
<b>Tuần 14</b>	27	§5. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ )	Giải bài tập (không yêu cầu hs giải bài 31)	- Rèn luyện kỹ năng xác định hệ số góc a, vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ), tính được góc $\alpha$ , tính chu vi và diện tích tam giác trên mặt phẳng tọa độ.	Dạy học trên lớp		
	28	Ôn tập chương II	1/ Lí 2/ Bài tập	- Tái hiện các khái niệm: Hàm số, đồ thị của hàm số, hàm số bậc nhất, hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ )	Dạy học trên lớp	(BT 37d, 38c HS tự học có	

				- Tái hiện được khi nào thì hàm số $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) đồng biến, nghịch biến; điều kiện để hai đường thẳng dạng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) song song, cắt nhau, trùng nhau;		hướng dẫn)
<b>Tuần 15</b>	29	Ôn tập chương II (tt)	2/ Bài tập ( tt) ( bài 37 d; 38 c tự học có hướng dẫn)	Tìm được hoặc giải tích được khi nào thì hàm số $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) đồng biến, nghịch biến; điều kiện để hai đường thẳng dạng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) song song, cắt nhau, trùng nhau; - Tìm được các hệ số của hai đường thẳng dạng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) để chúng, song song, cắt nhau hoặc trùng nhau.	Dạy học trên lớp	
<b>Chương III: Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn</b>						
	30	§1. Phương trình bậc nhất hai ẩn	1. K/n về PT bậc nhất hai ẩn; 2. Tập nghiệm của PT bậc nhất hai ẩn	Học sinh nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó. Hiểu tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 16</b>	31	§2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	1. K/n về hệ hai PT bậc nhất hai ẩn; 2. Minh họa hình học tập nghiệm của hệ PT bậc nhất hai ẩn; 3. Hệ PT tương đương (Lấy kết quả của bài tập 2 trang 25 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm	Nắm được khái niệm nghiệm của hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn. Khái niệm 2 hệ phương trình tương đương. Minh họa hình học được tập nghiệm của hệ 2 PT bậc nhất 2 ẩn.	Dạy học trên lớp	

			các bài tập khác.)			
	32	§3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế	1. Quy tắc thế; 2. Áp dụng	Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế. Nắm vững cách giải hệ PT bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 17</b>	33	Luyện tập	Giải bài tập	Giải hệ PT bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế.		
	34	Ôn tập học kỳ I	1/ Lí thuyết (chương I) 2/ Bài tập (chương I)	Hệ thống được các kiến thức chương I và vận dụng được các kiến thức đó vào giải bài tập liên quan.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 18</b>	35	Ôn tập học kỳ I (tt)	1/ Lí thuyết (chương II) 2/ Bài tập (chương II + bài 1 đến bài 3 chương III)	Hệ thống được các kiến thức chương II và vận dụng được các kiến thức đó vào giải bài tập liên quan.	Dạy học trên lớp	
	36	<b>Kiểm tra học kỳ I</b>	Các kiến thức, kĩ năng cơ bản đã học trong HKI	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan	Dạy học trên lớp	

**HỌC KỲ II – ĐẠI SỐ (Từ tuần 19 đến tuần 35)**

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Điều chỉnh theo lớp			Ghi chú
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	

<b>Tuần 19</b>	37	§4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số	1. Quy tắc cộng đại số 2. Áp dụng 2a.Trường hợp 1 2b.Trường hợp 2 3. Tóm tắt cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số	Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng quy tắc cộng đại số. Cần nắm vững cách giải hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp cộng đại số.	Dạy học trên lớp	
	38	Luyện tập	Giải bài tập	Giải hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 20</b>	39	Thực hành: Giải hệ phương trình bằng máy tính cầm tay Casio	Các bước giải hệ phương trình bằng máy tính cầm tay Casio	Học sinh giải được hệ phương trình bằng máy tính cầm tay Casio	Dạy học trên lớp	
	40		1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ pt. 2. Ví dụ	Nắm được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.	Dạy học trên lớp	Ghép §5, §6 & Luyện tập (theo CV 3280)
<b>Tuần 21</b>	41	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Nội dung 1	2/ ví dụ ( tt)	Nắm được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.	Dạy học trên lớp	
	42		3/ Bài tập	Biết phân tích các đại lượng trong bài bằng cách thính hợp, lập được hệ phương trình và biết cách trình bày bài toán.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 22</b>	43	Ôn tập chương II	1/ lí thuyết 2/ Bài tập	Củng cố và nâng cao kỹ năng giải PT và hệ 2 PT bậc nhất 2 ẩn.Vận dụng các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình để giải các bài toán thực tế và hs thấy được ứng dụng của toán trong thực tế	Dạy học trên lớp	Kết quả của bài tập 2 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm các bài tập khác



Chương IV: Hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ . Phương trình bậc hai một ẩn						
	44	Hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$	1/ ví dụ mở đầu 2/ Tính chất của hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$	Nắm vững các nội dung sau: + Thấy được trong thực tế có những hàm số dạng $y = a.x^2 (a \neq 0)$ + Tính chất và nhận xét về hàm số $y = a.x^2 (a \neq 0)$ tính được giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.	Dạy học trên lớp	Ghép §1 , §2 & Luyện tập (theo CV 3280) Chỉ nhận biết các tính chất của hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ nhờ đồ thị. Không chứng minh tính chất đó bằng phép biến đổi.
<b>Tuần 23</b>	45	Hàm số $y = ax^2 (a \neq 0) (tt)$	3/ Đồ thị của hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$	Vẽ được đồ thị hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ với a là số hữu tỉ	Dạy học trên lớp	Chỉ yêu cầu vẽ đồ thị của hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ với a là số hữu tỉ.
	46	Hàm số $y = ax^2 (a \neq 0) (tt)$	4/ luyện tập	Có kỹ năng giải bài tập về hàm số	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 24</b>	47	§3. Phương trình bậc hai một ẩn .	1. Bài toán mở đầu 2. Định nghĩa 3. Một số ví dụ về giải phương trình bậc hai	HS nắm được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn: dạng tổng quát, dạng đặc biệt khi b hoặc c bằng 0 hoặc cả b và c bằng 0. Luôn nhớ $a \neq 0$	Dạy học trên lớp	
	48	Công thức nghiệm của phương trình bậc hai.	1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai.	Học sinh nhớ biệt thức $\Delta = b^2 - 4ac$ và nhớ kỹ điều kiện của $\Delta$ để p.trình vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt. Học sinh vận dụng được công thức nghiệm vào giải phương trình	Dạy học trên lớp	Ghép §4, §5 & Luyện tập (theo CV 3280)
<b>Tuần 25</b>	49	Công thức nghiệm của phương trình	2. Công thức nghiệm thu gọn của phương	H.sinh nhớ biệt thức $\Delta' = b'^2 - ac$ và nhớ kỹ điều kiện của $\Delta'$	Dạy học trên lớp	

		bậc hai (tt)	trình bậc hai.	đề p.trình vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt. Học sinh vận dụng được công thức nghiệm thu gọn vào giải phương trình		
	50	Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (tt)	3/ luyện tập ( giải bài tập)	vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình (có thể lưu ý khi a, c trái dấu thì phương trình có 2 nghiệm phân biệt);	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 26</b>	51	Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (tt)	3/ luyện tập ( giải bài tập)	vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình (có thể lưu ý khi a, c trái dấu thì phương trình có 2 nghiệm phân biệt); Cách giải phương trình bậc hai khuyết b hoặc c	Dạy học trên lớp	
	52	Ôn tập kiểm tra giữa kỳ 2	1/ Hệ thống các kiến thức đã học ở học kỳ 2 2/ Bài tập	Nắm lại các kiến thức đã học ở học kỳ 2 một cách hệ thống Vận dụng các kiến thức đó vào giải bài tập có liên quan	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 27</b>	53	Ôn tập kiểm tra giữa kỳ 2	1/ Hệ thống các kiến thức đã học ở học kỳ 2 2/ Bài tập	Nắm lại các kiến thức đã học ở học kỳ 2 một cách hệ thống Vận dụng các kiến thức đó vào giải bài tập có liên quan	Dạy học trên lớp	
	<b>54</b>	<b>Kiểm tra giữa học kỳ 2 ( kết hợp với hình học)</b>	Theo ma trận của sở	Có kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học vào làm bài	Kiểm tra trên lớp	
<b>Tuần 28</b>	55	§6. Hệ thức Vi-ét và	1. Hệ thức vi- ét	Học sinh nắm vững hệ thức Viet và một số trường hợp đặc biệt a	Dạy học trên lớp	

		ứng dụng.		$+ b + c = 0$ và $a - b + c = 0$ để nhằm nghiệm		
	56	§6. Hệ thức Vi-ét và ứng dụng.	2/Tìm hai số biết tổng và tích của chúng	biết tìm được 2 số khi biết tổng và tích của chúng	Dạy học trên lớp	Bài 33 khuyến khích hs tự làm
<b>Tuần 29</b>	57	Luyện tập	Giải bài tập	vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viet như : Biết nhằm nghiệm đối với các phương trình bậc hai đặc biệt; biết tìm được 2 số khi biết tổng và tích của chúng	Dạy học trên lớp	
	58	§7. Phương trình quy về phương trình bậc hai.	1. Phương trình trùng phương 2. Phương trình chứa ẩn ở mẫu 3. Phương trình tích	Nắm được các dạng phương trình có thể đưa về bậc hai; Biết cách giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai như: phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu thức, pt tích.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 30</b>	59	Luyện tập	Giải bài tập	Có kỹ năng giải pt quy về pt bậc hai	Dạy học trên lớp	
	60	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình.	1/ ví dụ 2/ Bài tập	Biết giải và trình bày bài toán bằng cách lập phương trình	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 31</b>	61	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình (tt).	1/ ví dụ 2/ Bài tập	Biết giải và trình bày bài toán bằng cách lập phương trình	Dạy học trên lớp	
	62	Luyện tập	Giải bài tập	Có kỹ năng giải và trình bày bài toán bằng cách lập phương trình	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 32</b>	63	Luyện tập (tt)	Giải bài tập	Có kỹ năng giải và trình bày bài toán bằng cách lập phương trình	Dạy học trên lớp	
	64	Ôn tập chương IV	1/ lí thuyết	Có kỹ năng giải phương trình	Dạy học trên lớp	

			2/ Bài tập	bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích, giải bài toán bằng cách lập phương trình.		
<b>Tuần 33</b>	65	Ôn tập chương IV (tt)	2/ Bài tập ( tt)	Có kỹ năng giải phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích, giải bài toán bằng cách lập phương trình.	Dạy học trên lớp	Bài 66 KK học sinh tự làm
	66	Ôn tập học kỳ II	1/ lí thuyết 2/ Bài tập	Hệ thống được các kiến thức đã học ở học kỳ II Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải toán	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 34</b>	67	Ôn tập học kỳ II (tt)	2/ Bài tập (tt)	Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải toán	Dạy học trên lớp	
	68	Ôn tập cuối năm	Giải bài tập	Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải toán	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 35</b>	69	Ôn tập cuối năm	Giải bài tập	Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải toán	Dạy học trên lớp	
	70	Kiểm tra cuối kỳ II	Đề của sở	Vận dụng tốt các kiến thức đã học vào kiểm tra	Kiểm tra trên lớp	

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU  
P. HIỆU TRƯỞNG**

**Võ Thị Hồng Liên**

**TỔ TRƯỞNG**



**Ngô Thị Kim Châu**

**NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**



**Nguyễn Thị Minh Lợi**

(Mẫu này dành cho tổ chuyên môn)

<b>PHÒNG GD&amp;ĐT ĐẠI LỘC</b> <b>TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU</b> <b>TỔ: TOÁN - TIN</b>	<b>KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2023-2024</b> <b>MÔN : TOÁN HÌNH HỌC</b> <b>KHỐI: 9</b>
---	--

**I. Thông tin:**

1. Tổ trưởng : Ngô Thị Kim Châu

2. Nhóm chuyên môn: Nguyễn Thị Minh Lợi

**II. Kế hoạch cụ thể:****HỌC KỲ I – HÌNH HỌC (Từ tuần 1 đến tuần 18)**

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ Bài học	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức dạy	Ghi chú
<b>Tuần 1</b>	1	§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	1. Hệ thức giữa cạnh góc vuông và hình chiếu của nó trên cạnh huyền; 2. Một số hệ thức liên quan tới đường cao	-Nắm được các hệ thức: $b^2 = a.b'$ ; $c^2 = a.c'$ ; $h^2 = b.c$ ; và hiểu được cách chứng minh; -Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 2</b>	2	§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (tt)	3. Định lý 3; 4. Định lý 4	-Nắm được các hệ thức $bc=ah$ ; $\frac{1}{h^2} = \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2}$ và hiểu được cách chứng minh; -Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.	Dạy học trên lớp	

<b>Tuần 3</b>	3	Luyện tập.	Giải bài tập	- Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.	Dạy học trên lớp	
	4	Luyện tập (tt)	Giải bài tập	- Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.	Dạy học trên lớp	
	5	§2. Tỉ số lượng giác của góc nhọn	1. Khái niệm tỉ số lượng giác của một góc nhọn; (Kí hiệu tan thay cho tg; cot thay cho cotg)	- Hiểu các định nghĩa sin, cos, tan, cot của một góc nhọn $\alpha$  - Giải thích được tỉ số lượng giác của các góc nhọn đặc biệt (góc $30^0$ , $45^0$ , $60^0$ ) và của hai góc phụ nhau.	Dạy học trên lớp	Sửa lại kí hiệu tang của góc $\alpha$ là $\tan\alpha$ cotang của góc $\alpha$ là $\cot\alpha$
<b>Tuần 4</b>	6	§2. Tỉ số lượng giác của góc nhọn (tt)	2. Tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau.	- Nắm được tỉ số lượng giác của hai góc nhọn phụ nhau.	Dạy học trên lớp	
	7		Giải bài tập	Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) tỉ số lượng giác của góc nhọn  bằng máy tính cầm tay.  Sử dụng định lí hai góc phụ nhau.	Dạy học trên lớp	GV hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu trên mạng, trao đổi học tập lẫn nhau;  Báo cáo kết quả trước lớp.
	8	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi Casio	Hướng dẫn học sinh thực hành sử dụng máy tính bỏ túi Casio	Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) tỉ số lượng giác của góc nhọn  bằng máy tính cầm tay.	Dạy học trên lớp	

<b>Tuần 5</b>	9	<b>Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông</b>	1. Các hệ thức;	– Biết các hệ thức và giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông -Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn	Dạy học trên lớp	
	10		2. Áp dụng giải tam giác vuông	- Giải được tam giác vuông khi biết độ dài hai cạnh góc vuông của tam giác đó.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 6</b>	11		Giải bài tập	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn (ví dụ: Tính độ dài đoạn thẳng, độ lớn góc và áp dụng giải tam giác vuông.	Dạy học trên lớp	
	12		Giải bài tập	Sử dụng các hệ thức, sử dụng máy tính bỏ túi, cách làm tròn số vào bài tập. Biết vận dụng các hệ thức và thấy được ứng dụng các tỉ số lượng giác để giải quyết các bài toán thực tế	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 7</b>	13		§5. Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời	1. Xác định chiều cao;	-Các nhóm học sinh phối hợp thực hiện được việc đo gián tiếp chiều cao của một vật	

	14	§5. Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời (tt)	1. Câu hỏi; 2. Tóm tắt kiến thức cần nhớ;	- Trả lời được các câu hỏi 1.2.3.4 SGK  - Tái hiện các hệ thức lượng trong tam giác vuông, các tỉ số lượng giác của góc nhọn và tính chất	Dạy học ngoài trời	<i>Các nhóm học sinh phối hợp thực hiện được việc đo gián tiếp chiều cao của một vật</i>
<b>Tuần 8</b>	15	Ôn tập chương I	Giải bài tập	- Vận dụng các hệ thức lượng trong tam giác vuông, các tỉ số lượng giác của góc nhọn và tính chất giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan	Dạy học trên lớp	
	16	Ôn tập giữa kì 1	Hệ thống các kiến thức đã học	- Vận dụng các hệ thức lượng trong tam giác vuông, các tỉ số lượng giác của góc nhọn và tính chất giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 9</b>	17	Ôn tập giữa kì 1	Hệ thống các kiến thức đã học	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan		
	18	<b>Kiểm tra giữa kỳ I</b>	Các kiến thức, kĩ năng cơ bản đã học	Vận dụng tốt các kiến thức đã học vào kiểm tra	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 10</b>	19	§1. Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn	1. Nhắc lại về đường tròn; 2. Cách xác định đ/tròn;	- Hiểu khái niệm đường tròn, cách xác định đường tròn, tâm đối xứng, trục đối xứng của một đường tròn	Dạy học trên lớp	



			3. Tâm đối xứng; 4. Trục đối xứng			
	20	Luyện tập	Giải bài tập	- Nhận biết được các biển báo giao thông dạng hình tròn hình nào có tâm đối xứng, có trục đối xứng  - Phân biệt được các khái niệm hình tròn và đường tròn  - Nhận biết được các chi tiết tròn trong đời sống thực tế	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 11</b>	21	§2. Đường kính và dây của đường tròn.	1. So sánh độ dài của đường kính và dây;  2. Quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây	- Hiểu được trong các dây của một đường tròn, đường kính là dây lớn nhất;  - Biết được quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây và cách chứng minh	Dạy học trên lớp	
	22	§3. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	1. Bài toán;  2. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	- Hiểu được sự không đổi về tổng của bình phương khoảng cách từ tâm đến dây và bình phương của nửa dây tương ứng trong một đường tròn;  - Hiểu được sự liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây trong một đường tròn.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 12</b>	23	Luyện tập	Giải bài tập	- Vận dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn liên quan	Dạy học trên lớp	

	24	§4. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	<p>1. Ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn;</p> <p>2. Hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của đường tròn</p>	<p>-Hiểu được ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn;</p> <p>- Hiểu và lập được hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của đường tròn</p>	Dạy học bằng mô hình hóa	Bằng thiết bị mô phỏng vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. HS tự xác định vị trí tương đối, hệ thức giữa $d$ và $R$ qua vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn và ngược lại.
<b>Tuần 13</b>	25	§5. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn	<p>1. . Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn;</p> <p>2. Áp dụng</p>	<p>- Biết các dấu hiệu để một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn;</p> <p>- Biết dựng tiếp tuyến của đường tròn qua một điểm nằm ngoài đường tròn đó.</p>	Dạy học trên lớp	
	26	Luyện tập	Giải bài tập	Vận dụng kiến thức về dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến để giải bài tập		
<b>Tuần 14</b>	27	§6. Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau	<p>1. Định lý về hai tiếp tuyến cắt nhau;</p> <p>2. Đường tròn nội tiếp tam giác;</p> <p>3. Đường tròn bàng tiếp tam giác.</p>	<p>- Hiểu định lý về hai tiếp tuyến cắt nhau;</p> <p>-Biết các khái niệm về đường tròn nội tiếp tam giác, đường tròn bàng tiếp tam giác; biết tâm và cách tìm tâm đường tròn trong các khái niệm nêu trên.</p>	Dạy học trên lớp	

	28	Luyện tập	Giải bài tập	- Vận dụng định lý về hai tiếp tuyến cắt nhau, về các khái niệm đường tròn nội tiếp, đường tròn bàng tiếp tam giác để giải bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 15</b>	29	Vị trí tương đối của hai đường tròn	1. Ba vị trí tương đối của hai đường tròn 2. Tính chất đường nối tâm	Vận dụng tính chất của hai đường tròn cắt nhau, tiếp xúc nhau vào giải các bài tập tính toán và chứng minh.	Dạy mô hình hóa	Ghép §7, §8 & Luyện tập (theo CV 3280)  Bằng thiết bị mô phỏng vị trí tương đối của hai đường tròn. HS tự xác định vị trí tương đối, hệ thức giữa $d$ và $R$ qua vị trí tương đối của hai đường tròn
	30	Vị trí tương đối của hai đường tròn	3. Hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính 4. Tiếp tuyến chung của hai đường tròn	Vận dụng hệ thức liên hệ của hai đường tròn cắt nhau, tiếp xúc nhau vào giải các bài tập tính toán và chứng minh.	Dạy học trên lớp	
<b>Tuần 16</b>	31	Vị trí tương đối của hai đường tròn	Luyện tập, Giải bài tập	Vận dụng tính chất, hệ thức liên hệ của hai đường tròn cắt nhau, tiếp xúc nhau vào giải các bài tập tính toán và chứng minh.	Dạy học trên lớp	
	32	Ôn tập chương 2	1. Tóm tắt về kiến thức cần nhớ 2. Các ví dụ minh họa 3. Làm các Bài tập	Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài tập về tính toán chứng minh. Rèn luyện cách phân tích tìm lời giải bài toán và trình bày lời giải làm quen với dạng bài tập tìm vị trí của một điểm để một đoạn thẳng có độ dài lớn nhất, nhỏ nhất, giải toán liên quan.		

<b>Tuần 17</b>	33	Ôn tập học kì 1	1. Giải đáp thắc mắc đề cương đã ra ôn tập 2. Giải các đề thi HK I năm trước	Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập tổng hợp về chứng minh và tính toán.		
	34	Ôn tập học kì 1	1. Giải đáp thắc mắc đề cương đã ra ôn tập 2. Giải các đề thi HK I năm trước	Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập tổng hợp về chứng minh và tính toán.		
<b>Tuần 18</b>	35	<b>Kiểm tra học kỳ I</b>	Các kiến thức, kỹ năng cơ bản đã học trong HKI	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan	Dạy học trên lớp	
	36	Trả bài kiểm tra học kỳ I	Theo đề Sở	HS sinh thấy được những sai sót và hướng khắc phục	Dạy học trên lớp	

**HỌC KỲ II – HÌNH HỌC (Từ tuần 19 đến tuần 35)**

<b>Tuần</b>	<b>Tiết</b>	<b>Tên chủ đề/Bài học</b>	<b>Điều chỉnh theo lớp</b>			
			<b>Nội dung/Mạch kiến thức</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tuần 19</b>	37	§1. Góc ở tâm. Số đo cung	1. Góc ở tâm 2. Số đo cung 3. So sánh cung 4. Khi nào $sđ AB = sđ AC + sđ CB$ 5. Áp dụng giải BT 1,2	HS nhận biết được góc ở tâm, chỉ ra hai cung tương ứng, chỉ ra cung bị chắn. HS nắm được mối quan hệ số đo cung bị chắn với số đo của góc ở tâm.  Rèn luyện kỹ năng đo góc ở tâm, xác định đúng số đo góc ở tâm, so sánh các góc ở tâm, các cung bị chắn..	<i>Dạy học trên lớp</i>	

	38	Luyện tập	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nhắc lại kiến thức</li> <li>Giải bài tập</li> </ol>	<p>Vận dụng kiến thức về góc ở tâm liên hệ với số đo cung bị chắn để tính toán so sánh số đo các góc, số đo các cung. Nắm được định lý cộng hai cung và so sánh hai cung.</p> <p>Biết so sánh hai cung, hiểu và vận dụng định lý cộng hai cung và có kỹ năng tính toán trong thực hành giải toán. HS có kỹ năng đo, vẽ, suy luận logic</p>	<i>Dạy học trên lớp</i>	
<b>Tuần 20</b>	39	§2. Liên hệ giữa cung và dây	<ol style="list-style-type: none"> <li>Định lí 1</li> <li>Định lí 2</li> <li>Áp dụng</li> </ol> <p>Giải bài tập</p>	<p>Nắm được mối liên hệ giữa cung và dây thông qua định lý 1, định lý 2, phát biểu được hai nội dung định lý, chứng minh được định lý 1. Hiểu và sử dụng được cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. HS hiểu được vì sao định lý 1, 2 chỉ phát biểu đối với các cung nhỏ trong một đường tròn hay trong hai đường tròn bằng nhau,</p> <p>Vận dụng được nội dung định lý 1, 2 vào giải các bài tập liên quan, so sánh độ lớn các góc, các cung, các dây....giải một số dạng toán liên quan, nâng cao.</p>		
	40	§3. Góc nội tiếp	<ol style="list-style-type: none"> <li>Định nghĩa</li> <li>Định lí</li> <li>Hệ quả</li> <li>Giải bài tập</li> </ol>	<p>Nhận biết được góc nội tiếp trên một đường tròn và hiểu được định lý số đo góc nội tiếp. Nhận biết và chứng minh các hệ quả của định lý góc nội tiếp.</p> <p>Rèn kỹ năng vẽ hình, nhận biết được nhờ vận dụng định nghĩa vận dụng số</p>	<i>Dạy học trên lớp</i>	

				đo góc ở tâm, định lý cộng cung. Giải được các bài tập liên quan cơ bản và nâng cao.	
<b>Tuần 21</b>	41	Luyện tập	1. Nhắc lại kiến thức 2. Áp dụng giải các BT	Củng cố về định nghĩa góc nội tiếp, định lí liên hệ giữa góc nội tiếp với số đo của cung bị chắn từ đó rút ra được hệ quả.  Rèn kĩ năng vận dụng các kiến thức về liên hệ giữa góc nội tiếp với số đo của cung bị chắn và các hệ quả của nó vào giải một số dạng toán .	<i>Dạy học trên lớp</i>
	42	§4. Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	1. Khái niệm góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung 2. Định lí 3. Hệ quả 4. Áp dụng : Giải bài tập	HS nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, hiểu được định lí về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung .  HS chứng minh được định lí về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, biết áp dụng định lí vào giải bài tập .	<i>Dạy học trên lớp</i>
<b>Tuần 22</b>	43	Luyện tập	1. Nhắc lại kiến thức 2. Áp dụng Giải các BT	Củng cố định nghĩa và các tính chất về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.  chứng minh được hai góc bằng nhau, hai cung bằng nhau	<i>Dạy học trên lớp</i>
	44	§5. Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường	1. Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn 2. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn	- HS phát biểu và chứng minh được các định lí về góc có đỉnh ở bên trong đường tròn.  - Vận dụng các định lí để chứng minh	<i>Dạy học trên lớp</i>

		tròn	3. Áp dụng Giải BT	quan hệ bằng nhau của hai góc, các cung.		
<b>Tuần 23</b>	45	Luyện tập	1. Luyện tập 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò cho tiết học sau	- HS nhận biết góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn .  HS nhận biết mối quan hệ giữa số đo góc và số cung  - Rèn kỹ năng áp dụng các định lý về số đo của góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn giải một số bài tập .	<i>Dạy học trên lớp</i>	
	46	§6. Cung chứa góc	1. Bài toán quỹ tích “Cung chứa góc” 2. Cách giải bài toán quỹ tích 3. Áp dụng Giải BT	- Hiểu cách chứng minh thuận, đảo và kết luận quỹ tích cung chứa góc. Đặc biệt là quỹ tích cung chứa góc $90^0$ , biết sử dụng thuật ngữ cung chứa góc dựng trên một đoạn thẳng .  - Biết vẽ cung chứa góc dựng trên đoạn thẳng cho trước, biết giải bài toán quỹ tích gồm phần thuận, phần đảo và kết luận .	<i>Dạy học trên lớp</i>	Không yêu cầu học sinh thực hiện ?2.  Không yêu cầu học chứng minh phần a, b.
<b>Tuần 24</b>	47	Luyện tập	1. Nhắc lại kiến thức 2. Áp dụng giải BT	-Hiểu quỹ tích cung chứa góc, biết vận dụng mệnh đề thuận, đảo của quỹ tích này để giải toán.  - Dựng cung chứa góc và biết áp dụng cung chứa góc vào bài toán dựng hình và toán quỹ tích. Biết trình bày bài giải một bài toán quỹ tích gồm phần thuận, phần đảo và kết luận.	<i>Dạy học trên lớp</i>	

	48	§7. Tứ giác nội tiếp	<p>1. Khái niệm về tứ giác nội tiếp</p> <p>2. Định lí</p> <p>3. Định lí đảo</p> <p>4. Áp dụng giải BT</p> <p>Nhận biết một tứ giác nội tiếp</p>	<p>- HS nắm vững định nghĩa tứ giác nội tiếp, tính chất về góc của tứ giác nội tiếp; biết rằng có những tứ giác nội tiếp được và có những tứ giác không nội tiếp được bất kì đường tròn nào.</p> <p>- Sử dụng tính chất của tứ giác nội tiếp vào làm toán và thực hành.</p>	<i>Dạy học trên lớp</i>	Không yêu cầu chứng minh định lí đảo
<b>Tuần 25</b>	49	Luyện tập	<p>1. Nhắc lại kiến thức : chứng minh một tứ giác nội tiếp sử dụng định lí tổng hai góc đối bằng <math>180^0</math></p> <p>2. Áp dụng giải BT</p>	<p>-Hiểu định lý đảo và các dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp - Biết các hình đặc biệt như hình chữ nhật, hình vuông, hình thang cân nội tiếp được đường tròn-Củng cố và khắc sâu định lý về tứ giác nội tiếp và các dấu hiệu các dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp</p> <p>- Vận dụng các tính chất của tứ giác nội tiếp vào bài tập tính góc trong tứ giác tứ giác nội tiếp, vận dụng dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp chứng minh tứ giác nội tiếp và các dạng toán liên quan.</p>	<i>Dạy học trên lớp</i>	



	50	§8. Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp	<ol style="list-style-type: none"> <li>Định nghĩa</li> <li>Định lí</li> <li>Áp dụng Giải BT</li> </ol>	<p>-HS hiểu được định nghĩa, khái niệm và tính chất của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp một đa giác. Biết được bất kì đa giác đều nào cũng có một và chỉ một đường tròn ngoại tiếp, một và chỉ một đường tròn nội tiếp .</p> <p>- Nắm được công thức tính độ dài cạnh: Tam giác đều, cạnh hình vuông, cạnh của lục giác đều khi các đa giác này nội tiếp đường tròn</p> <p>- Biết vẽ tâm của đa giác đều, từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một đa giác đều cho trước. Tính được cạnh a theo R và ngược lại tính được R theo a của tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.</p>	<i>Dạy học trên lớp</i>	
<b>Tuần 26</b>	51	§9. Độ dài đường tròn, cung tròn	<ol style="list-style-type: none"> <li>Công thức tính độ dài đường tròn</li> <li>Công thức tính độ dài cung tròn</li> <li>Áp dụng Giải BT</li> </ol>	<p>- HS nhớ công thức tính độ dài đường tròn <math>C = 2\pi R</math> (hoặc <math>C = \pi d</math>), biết số pi (<math>\pi</math>) là gì.</p> <p>- Rèn kĩ năng vận dụng các công thức <math>C = 2\pi R</math>, <math>C = \pi d</math> vào tính các đại lượng chưa biết của công thức để giải một số bài toán thực tế.</p>	<i>Dạy học trên lớp</i>	Không yêu cầu học sinh làm ?1
	52	Ôn tập giữa kì 2	<ol style="list-style-type: none"> <li>Ôn lại lý thuyết từ tuần 19</li> <li>Làm một số dạng bài tập theo ma trận</li> </ol>	<p>- Học sinh nắm vững các kiến thức đã học</p> <p>- Làm được các dạng bài tập theo ma trận</p>	<i>Dạy học trên lớp</i>	
<b>Tuần</b>	53	Ôn tập giữa kì 2	<ol style="list-style-type: none"> <li>Ôn lại lý thuyết từ tuần 19</li> </ol>	<p>- Học sinh nắm vững các kiến thức đã học</p>	<i>Dạy học trên</i>	

27			2. Làm một số dạng bài tập theo ma trận	- Làm được các dạng bài tập theo ma trận	<i>lớp</i>	
	54	<b>Kiểm tra giữa kỳ II</b>	Theo đề chung	Vận dụng các kiến thức đã học để làm tốt bài kiểm tra	<i>Dạy học trên lớp</i>	
Tuần 28	55	§10. Diện tích hình tròn, hình quạt tròn	1. Công thức tính diện tích hình tròn 2. Công thức tính diện tích hình quạt tròn 3. Áp dụng : Giải BT	- HS nắm được công thức tính diện tích hình tròn bán kính R là $S = \pi R^2$  - HS nắm được công thức tính diện tích hình quạt tròn của cung $n^\circ$ là $S = \frac{\pi R^2 n}{360}$ hay $S = \frac{l.R}{2}$ , tìm hiểu về các đường cong gấp nối.  - HS biết cách tính diện tích hình tròn vận dụng các công thức này vào giải các bài toán có liên quan, học sinh được giới thiệu khái niệm hình vành khăn và cách tính diện tích các hình đó.	<i>Dạy học trên lớp</i>	
	56	Luyện tập	1. Nhắc lại công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn và công thức suy ra liên qua đến các đại lượng R, l, n, s,	- HS nắm được công thức tính diện tích hình quạt tròn của cung $n^\circ$ là $S = \frac{\pi R^2 n}{360}$ hay $S = \frac{l.R}{2}$ , tìm hiểu về các đường cong gấp nối.  - Vận dụng các công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn vào giải toán, kỹ năng vẽ các đường cong gấp nối, học sinh được giới thiệu khái niệm hình viên phân cách tính diện tích các hình đó.	<i>Dạy học trên lớp</i>	

<b>Tuần 29</b>	57	Ôn tập chương III	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tóm tắt kiến thức cần nhớ và các ví dụ minh họa</li> <li>2. Giải các BT</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS được ôn tập, hệ thống hoá kiến thức của chương về số đo cung, liên hệ giữa cung, dây và đường kính, các loại góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp đa giác đều, cách tính độ dài đường tròn, cung tròn, diện tích hình tròn, hình quạt tròn</li> <li>- Vận dụng các kiến thức vào việc giải bài tập về tính toán các đại lượng liên quan tới đường tròn, hình tròn.</li> </ul>	- Tổ chức hoạt động tại lớp học	Hướng dẫn HS làm sản phẩm, HS tự tìm hiểu nhận biết và đo được diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ.
	58	§1. Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hình trụ</li> <li>2. cắt hình trụ bởi một mặt phẳng</li> <li>3. diện tích xung quanh hình trụ</li> <li>4. Thể tích hình trụ</li> <li>5. Áp dụng giải BT</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình trụ (đáy của hình trụ, trục, mặt xung quanh, đường sinh, độ dài đường cao, mặt cắt khi nó song song với trục hoặc song song với đáy), công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ.</li> <li>- HS biết sử dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ.</li> </ul>	Dạy học mô hình hóa	
<b>Tuần 30</b>	59	Luyện tập	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhắc lại các công thức tính</li> <li>2. Áp dụng giải các bài tập</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua bài tập HS hiểu kĩ hơn các khái niệm về hình trụ và củng cố các công thức về diện tích và thể tích hình trụ . - HS phân tích được đề bài, áp dụng các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích hình trụ cùng các công thức suy diễn của chúng .</li> </ul>	<i>Dạy học trên lớp</i>	

	60	§2. Hình nón - Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt.	1, Hình nón 2. Diện tích xung quanh hình nón 3. Thể tích hình nón 4. hình nón cụt	- HS nắm được các khái niệm về hình nón : đáy, mặt xung quanh, đường sinh, đường cao của hình nón và các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón  - Sử dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón thành thạo  - Biết được cách tạo ra hình nón cụt	Dạy học mô hình hóa	Hướng dẫn HS làm sản phẩm, HS tự tìm hiểu nhận biết và đo được diện tích xung quanh và thể tích của hình nón.
<b>Tuần 31</b>	61	§2. Hình nón - Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt (tt)	5. Diện tích xung quanh và thể tích hình nón cụt	- Tính được diện tích xung quanh và thể tích của hình nón cụt.  - Sử dụng thành thạo các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón, hình nón cụt để giải các bài tập liên quan.	<i>Dạy học trên lớp</i>	
	62	§3. Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	1. Hình cầu 2. Cắt hình cầu bởi một mặt phẳng 3. Diện tích mặt cầu 4. Thể tích hình cầu	- HS nắm các khái niệm về hình cầu: tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. HS hiểu được mặt cắt của hình cầu bởi một mặt phẳng luôn là một hình tròn.	<i>Dạy học trên lớp</i>	Không yêu cầu học sinh làm BT 36,37
<b>Tuần 32</b>	63	Luyện tập	1. Nhắc lại các công thức . Áp dụng : giải các BT	- HS biết sử dụng công thức tính diện tích mặt cầu và vận dụng vào thực tế đời sống.	<i>Dạy học trên lớp</i>	

	64	Ôn tập chương IV	1. nhắc lại các công thức tính 2. Áp dụng : Giải BT	- Hệ thống hóa các kiến thức về hình trụ, hình nón, hình cầu. - Rèn kỹ vẽ hình không gian, kỹ năng áp dụng công thức vào giải toán ...	<i>Dạy học trên lớp</i>	
<b>Tuần 33</b>	65	Ôn tập chương IV (tt)	1. nhắc lại các công thức tính 2. Áp dụng : Giải BT	- Hệ thống hóa các kiến thức về hình trụ, hình nón, hình cầu. - Rèn kỹ vẽ hình không gian, kỹ năng áp dụng công thức vào giải toán ...	<i>Dạy học trên lớp</i>	
	66	Ôn tập học kì 2	1. Giải đáp thắc mắt đề cương đã ra ôn tập 2. Giải các đề thi HK II năm trước	- Ôn tập hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn. - Rèn kỹ năng giải bài tập trắc nghiệm và bài tập tự luận về toán có liên quan đến đường tròn.	<i>Dạy học trên lớp</i>	
<b>Tuần 34</b>	67	Ôn tập học kì 2	1. Giải đáp thắc mắt đề cương đã ra ôn tập 2. Giải các đề thi HK II năm trước	- Ôn tập hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn. - Rèn kỹ năng giải bài tập trắc nghiệm và bài tập tự luận về toán có liên quan đến đường tròn.	<i>Dạy học trên lớp</i>	
	68	Ôn tập cuối năm	1. Giải đáp thắc mắt đề cương đã ra ôn tập 2. Giải các đề thi HK II năm trước	- Ôn tập hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn. - Rèn kỹ năng giải bài tập trắc nghiệm và bài tập tự luận về toán có liên quan đến đường tròn.	<i>Dạy học trên lớp</i>	

<b>Tuần 35</b>	<b>69</b>	<b>Kiểm tra học kỳ II</b>	<i>Các kiến thức, kỹ năng cơ bản đã học trong HKII</i>	<i>Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan</i>	<i>Dạy học trên lớp</i>	
	70	Trả bài kiểm tra học kỳ II	<i>Theo đề Sở</i>	<i>HS sinh thấy được những sai sót và hướng khắc phục</i>	<i>Dạy học trên lớp</i>	

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU  
P. HIỆU TRƯỞNG**

**Võ Thị Hồng Liên**

**TỔ TRƯỞNG**



**Ngô Thị Kim Châu**

**NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**



**Nguyễn Thị Minh Lợi**